

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, bà Nguyễn Thị Tạc.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 734/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2021, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1981; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 217, đường L, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 56, đường M, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 217 đường L, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 193, Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T3 đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/11/2003. Sau khi về chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế, ông Nguyễn Văn T3 không lo làm ăn, không cùng tôi xây dựng kinh tế gia đình. Từ khi về chung sống, một mình tôi lo đi làm nuôi con. Bà T đã cố gắng khuyên nhủ chồng có trách nhiệm trong vấn đề kinh tế, tuy nhiên từ năm 2003 đến nay, ông T3 không đưa tiền để lo cho gia đình. Từ những mâu thuẫn đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến xô xát. Bên cạnh đó, ông T3 không có trách nhiệm đối với con, không chăm lo cho con cái trong việc ăn học. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nguyện vọng của bà T là yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T3.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có 03 con chung:

- 1./ Cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/9/2004;
- 2./ Cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/5/2006;
- 3./ Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/8/2014.

Hiện nay tôi vẫn đang chăm lo cho các cháu. Nguyện vọng của tôi là xin được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù bị đơn ông Nguyễn Văn T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T3 vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T3 theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T3.

- Về con chung: Giao con chung là các cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/9/2004; Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/5/2006; Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/8/2014 cho bà Phạm Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Văn T3 hiện đang sinh sống tại địa chỉ Số 193, Y, phường T1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Khoa là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T3 chung sống trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/11/2003, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày: Sau khi về chung sống thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về kinh tế, ông T3 không lo làm ăn, không cùng vợ xây dựng kinh tế gia đình, bên cạnh đó ông T3 còn không có trách nhiệm với con cái. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến xô xát nhau. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết bà T và ông Thiên là vợ chồng, có cư trú, sinh sống tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau,

bà T cho rằng ông T3 không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và sống ly thân cho đến nay.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T3 đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thủy là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/9/2004; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/5/2006; cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/8/2014 cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông T3 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T3.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/9/2004; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/5/2006; cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/8/2014 cho bà Phạm Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn T3 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Bà Thủy không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Phạm Thị Thanh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0009718 ngày 22/11/2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. BMT;*
- *UBND Phường T1,*
TP. Buôn Ma Thuột;
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nguyễn Thị Loan

